

Số: 3531 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 17716/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 616/TTr-LĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 230 hộ kinh với tổng kinh phí hỗ trợ là 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH (CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ, CÓ NỢ THUẾ)
BỊ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**
(Kèm theo Quyết định số 3531 /QĐ-UBND ngày 24 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: đồng

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)	(11)	
	1. Phường Tân Hiệp								
1	Cao Văn Luân	3600518991	47A8006414	270793290	A26 TỎ 6 KP5	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
2	Nguyễn Văn Kiên	8035849688	47A8050707	271760087	B24 KP 5	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
3	Bùi Thị Thủy Linh	3602029474	47A8025223	271586749	410 KP 3	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
4	Lê Thị Bích Vân	8014231428	47A8064982	271881760	11B(1041)	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
5	Nguyễn Thị Liên	3600888512	47A8029802	272536212	41A TỎ 15 KP 4	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
6	Bà Việt	8606817122	47A8068759	183362428	6A TỎ 2 KP 2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
7	Phạm Thị Hoa Huệ	8348335592	47A8066842	271843715	59B TỎ 11 KP 2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
8	Lý Trung Tinh	3603713126	47A8066693	272929067	823 KP 2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
9	Trần Thị Sợi	3601828724	47A8019913	270586784	106 TỎ 6 KP3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
10	Mai Thị Chiến	3600892188	47A8018565	272444561	CHỢ TÂN HIỆP	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
11	Nguyễn Thị Thiên Thanh	3600838617	47A8032028	271529624	753 TỎ 1 KP 1	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
12	Hong Chấn Sáng	8112577826	47A8034950	272191072	8A KP 2	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
13	Trần Thị Thu Thủy	3600850879	47A8053241	271854626	548 TỎ 17 KP 2	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	3600516112	47A8028704	271247512	440 TỎ 16 KP 3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
15	Nguyễn Ngọc Khoa	8269051196	47A8037318	272488214	70/1S TỎ 8 KP 1A	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
16	Đặng Thị Hiếu	8655331670	47A8071531	276071495	120 KP 5	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
17	Nguyễn Thế Hưng	3600686033	47A8027315	271997777	424 KP 3	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
18	Trần Thị Kim Oanh	3603508261	47A8026621	272118903	CHỢ TÂN HIỆP	1/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
19	Châu Vũ Nhật Nam	8448863483	47A8066650	272445944	27A TỎ 7, KP5	1/7/2021- 31/8/2023	3.000.000		
20	Lù Vĩnh Phong	3600305337	47A8003206	270871847	7A TỎ 2 KP 2	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
21	Trần Đức Huy	3601459361	47A8024174	271697871	9A TỎ 6 KP 3	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
22	Trần Đại Chương	3600289491	47A8021914	271062931	E2C KP 4	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
23	Nguyễn Văn Đàm	3603728193	47A8067584	034064009044	520 ĐK KP 3	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
24	Nguyễn Thị Mộng Huyền	3602839133	47A8044350	271498163	B100 TỎ 18 KP 5	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
25	Cao Văn Hoàng	8445386190	47A8062469	271289855	384 KP 5	1/9/2021- 16/9/2021	3.000.000		
	2. Phương An Hòa								

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
26	Đinh Thị Hồng Ngọc	3600580358	47A8045140	271557568	tổ 16, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
27	Nguyễn Thị Ngọc Suong	3603241297	47A8065498	272165761	612A, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
28	Phan Thanh Vân	3600236299	1007/GPUB	270856851	47, tổ 1, khu phố 1, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
29	Nguyễn Hồng Vân	3603483095	47A8054998	270945939	362, tổ 2, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
30	Mai Trung Hiếu	3603749891	47A8068920	271344955	750A, tổ 15, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
31	Nguyễn Văn Dũng	3602880886	47A8034533	271854882	144, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
32	Đào Thanh Tùng	3601456586	47A8034503	271327890	626, tổ 13, khu phố 2, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
33	Trần Thị Hồng	3603346941	47A8048336	272729258	tổ 21, khu phố 1, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
34	Mai Ngọc Nhân	3600682536	47A8034861	270945823	167, tổ 9, khu phố 1, phường An Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
	3. Phường Hố Nai								
35	Vũ Thị Thủy Lan	8052367229	47A8064334	272151838	14C/83	11/7/2021- 10/9/2021	3.000.000		
36	Phạm Cao Khang	3600338861	47A8005844	272816083	10E/82 kp12	07/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
37	Nguyễn Tiến Dũng	8035862576	47A8059082	270915644	8D/70	9/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
38	Phạm Thị Nhan	3600268519	47A8002706	270402251	1/20 kp4	9/7/2021-nay	3.000.000		
39	Ứng Va Tắc	8305283558	47A8065272	272124620	4A/20 kp4	9/7/0021- 24/8/2021	3.000.000		
40	Trần Công Định	8171303048	4707002303	271849597	5/9 kp4	01/7/2021-nay	3.000.000		

STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
41	Trần Thiên Ân	3601318339	47A8057722	271673781	28/16 kp3	01/9/2021 - 16/9/2021	3.000.000		
42	Hoàng Thiên Trang	3600886635	47A8007291	271849552	13B/76 kp11	11/7/2021-nay	3.000.000		
43	Phạm Thanh Hùng	8609788631	47A8066255	271914521	28C/88 kp13	9/7/2021-nay	3.000.000		
44	Lê Văn phương	3603688977	47A8065538	272132727	477 kp6	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
45	Bùi Quang Hòa	3603173826	47A8041360	271468679	31/90 kp13	01/5/2021-nay	3.000.000		
46	Nguyễn Hữu Thành	3601968150	47A8053486	272178851	28C tổ 90 kp13	01/9/2021 - 16/09/2021	3.000.000		
47	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	8030464797	47A8044534	270871335	11A/80 kp12	01/9/2021 - 16/09/2021	3.000.000		
	4. Phường Tân Biên								
48	Phạm Thị Ngọc Cẩm	3600319869	4707003252	270391482	Chợ Sắt	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
49	Nguyễn Thị Bích Yến	8115544152	47A8042997	271919715	59/6b, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
50	Nguyễn Thị ngọc Tuyền	3600524561	4707003357	271252424	83/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
51	Tạ Hồng phước	3603123335	47A8040159	271885191	16/4, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
52	nguyễn Thị Kim Diễm	3600309691	47A8006704	271671394	88/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
53	Nguyễn Thị Nhật Yến	3603690704	47A8065599	271415702	15/1, kp3	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
54	Trần Thị Hạt	3600318128	47A8030618	270387581	181/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
55	Phạm Thị Thế	3600663928	47A8052121	270392290	182/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
56	Nguyễn Thị Hạnh	3600317903	47A8002788	271067538	178/3, kp4	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
57	Chu Thị Thanh	3602754190	47A8046355	270730975	118D/5, kp2	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
58	Nguyễn Thị Ngọc Yến	3600270412	47A8037946	271073246	94/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
59	Phạm Thị Mỹ Linh	3600716143	47A8020503	271498741	910 NAQ, kp8A	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
60	Đoàn Thị Thùy Linh	8483019434	47A8055287	270914124	349/8, kp5B	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
61	Nguyễn Huy Hoàng	3600595241	47A8003037	272037470	41/4, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
62	Đặng Thị Hà	3600907733	47A8002355	270703676	57/5, kp6	01/07/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
	5. Phường Long Bình								
63	Nguyễn Thị Lộc	3600680874	47A8007451	271234720	Xa lộ Hà Nội, kp 1	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
64	Nguyễn Thị Nha Liễu	8116269572	47A8054603	271539499	631/20, tổ 1 kp 1	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
65	Ngô Thị Nga	3603755542	47A8069281	038186003099	233, tổ 9, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
66	Vũ Ngọc Ninh	3603145554	47A8040537	272009162	C 381, tổ 13, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
67	Đỗ Văn Nam	3603078273	47A8039226	168045994	C 339 E, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
68	Nguyễn Vũ Đại	8244361005	47A8039033	272639049	C 339 B, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
69	Nguyễn Thị Thúy Hằng	3603791646	47A8070661	272139715	C 201 b, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
70	Giao Thắng Hồng Quân	3600872777	47A8018988	271003414	104 C, kp 3	24/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
71	Lê Văn Khải	8292161542	47A8036685	272319458	C 411, kp 3	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
72	Nguyễn Văn Hậu	3600280121	47A8000142	270138503	103 C, kp 3	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
73	Chu Thị Thanh Huệ	3600780244	47A8065789	075166001582	30, Lê Nguyễn Đạt	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
74	Trần Minh Phong	3600966665	47A8021673	271712609	75/3, tổ 5, kp 3	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
75	Hoàng Trung Thọ	3602554593	47A8028571	211652116	C 232, tổ 16, kp 3	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
76	Nguyễn Hoàng Chương	8130707940	47A8048788	272050520	D 392, tổ 8, kp 4	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
77	Nguyễn Thị Ngọc	8020192488	47A80246992	272678231	762A, tổ 25, kp 5	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
78	Phạm Thị Bích Phương	8293669378	47A8064064	271767479	136, Hoàng Bá Bích, kp 5A	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
79	Nguyễn Văn Khanh	8017089025	47A8057503	271981864	E 199 b, kp 5A	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
80	Bùi Thị Hạnh	8025069865	47A8067015	272000194	E 717, tổ 22, kp 5A	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
81	Hoàng Thị Toàn	3603316344	47A8047609	272704859	G 64/8, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
82	Nguyễn Thị Uyên	3603418152	47A8051358	272545702	G 1343, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
83	Nguyễn Công Huy	3603307300	47A8047109	272661197	1339, tổ 19, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
84	Nguyễn Văn Khác	3603317108	47A8047653	031094003135	G 89, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
85	Nguyễn Gia Tý	8032249308	47A8056322	276128956	1075, Bùi Văn Hòa	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
86	Vân Thị Hạnh	8130792054	47A8044539	272358929	G 1129, Bùi Văn Hòa, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
87	Lưu Văn Dư	3603305014	47A8046944	036082010803	817, Bui Văn Hòa	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
88	Đặng Thị Ánh	3600699995	47A8057041	272155410	1147, tổ 12, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
89	Hà Thị Quyên	3600945425	47A8008066	272499606	G 1057, tổ 12, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
90	Nguyễn Văn Thanh	3602871031	47A8034699	272646153	G 99A, tổ 12, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
91	Đỗ Thị Nhiều	3600946429	47A8009876	272266535	1143, tổ 12, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
92	Lê Thị Ngọc Tuyền	8244388053	47A8064396	272298376	G 245, tổ 3, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
93	Nguyễn Thị Hương	3603665867	47A8064190	18633147	Tổ 5, kp 7	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
94	Vũ Anh Tuấn	3602594846	47A8032069	276099046	579 A, tổ 23, kp 6	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
95	Nguyễn Đình Lung	3602607453	47A8031008	272069927	G 54, tổ 1, kp 7A	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
96	Nguyễn Việt Hà	8244384073	47A8058771	272334697	1423/123/8/6, kp 7A	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
97	Phan Thị Nguyệt	8171229059	47A8038741	271160844	80, tổ 17, kp 6	24/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
	6. Phương Tân Hạnh								
98	Nguyễn Ngọc Chí	8209202242	47A8060431	168498368	98 kp4	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
99	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	8113930674	47A8067211	334242260	kp3	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
100	Phạm Đoàn Minh Hiếu	3601482875	47A8059751	271743135	1540 kp1	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
101	Lê Thị Tiếng Loan	3600459601	47A8007301	271388167	201 kp2	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
102	Nguyễn Thanh Hải	3600898856	47A8002524	075017000263	28 kp1	11/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
	7. Phường Long Bình Tân								
103	Trần Đình Luận	8246383438	47A8046407	272598132	E24, tổ 9, KP 2, LBT	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
104	Phạm Văn Cung	3603505736	47A8056582	036088011896	196, tổ 13, KPBD, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
105	Đặng Tuấn Khải	3603506056	47A8056584	025353415	108, KP BD, LBT	08/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
106	Nguyễn Thanh Hải.	8246364844	47A8049085	271862469	44/N5, KP BD, LBT	31/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
107	Võ Ngọc Dũng	8006599539	47A8046397	079076002905	87, tổ 5, KP BD, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
108	Trần Thị Kim Hương	8392540826	47A8051383	272642046	01-L2, KPBD, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
109	Phùng Văn Thành	3601988816	47A8069944	271950631	E17, tổ 7, KP 2, LBT	05/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
110	Nguyễn Văn Lưu	3601049580	47A8035167	271446612	KP 2, P. An Hòa	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
111	Đặng Kim Ngọc	3600699970	47A80117500	270857190	67, KP BD, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
112	Trần Văn Bốn	3603198203	47A8042335	270963876	330, KP TH, LBT	15/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
113	Tô Văn Kiên	3603422222	47A8051534	272622274	Tổ 6, KP BD, LBT	02/06/2021- 31/08/2021	3.000.000		
114	Đinh Hồng Lâm	3602459332	47A8052972	271855916	KP 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
115	Trần Ngọc Vũ	3603659334	47A8063793	276049013	8/F2, KP 1, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
116	Lê Thị Loan	3603463959	47A8053746	271214654	151, tổ 8, KP 1	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
117	Nguyễn Thị Hương	8459926174	47A8056791	031185000348	3/F6, KP 1, LBT	08/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
118	Nhan Hùng Thanh Vũ	3600764796	47A8061065	271337329	8F5, KP 1, LBT	15/05/2021- 31/08/2021	3.000.000		
119	Trần Minh Dũng	3600882623	47A8000947	271854615	113, KP 1, LBT	14/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
120	Nguyễn Quang Thiên	3603478641	47A8054747	036071009594	7/F5, KP 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
121	Nguyễn Văn THằng	3600699709	47A8003118	271474229	5/F3, KP 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
122	Nguyễn Thị Thanh Nga	3603741853	47A8068451	272683647	F2/1, KP 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
123	Trần Thị Bảo Thu	3603554010	47A8035265	272568444	3/F5, tổ 8, Kp 1, LBT	15/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
124	Trần Minh Ân	8505223820	47A8057989	272804401	22-23/15, kp 1, lbt	05/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
125	Nguyễn Mỹ Hương	0306541253	47A8066212	024530247	147, tổ 14, KP 2, LBT	10/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
126	Trương Thanh Tùng	3602418449	47A8028509	272437763	99/5, KP 3, LBT	09/07/2021- 31/08/2021	3.000.000		
	8. Phường Tam Hòa								
127	Trần Văn Ban	8198947949	47A8040279	066058000599	Tổ 17, Kp2, P. Tam Hòa	01/5/2021- 15/9/2021	3.000.000		
128	Nguyễn Thu Hằng	8045919863	47A8061358	272089610	26A/61, Kp2, P. Tam Hòa	01/5/2021- 15/9/2021	3.000.000		
129	Chu Thị Thanh Hào	8288191551	47A8047779	270730157	Tổ 5, Kp3, P. Tam Hòa	01/5/2021- 15/9/2021	3.000.000		
130	Nguyễn Xuân Vỹ	360289968	47A8035023	270687384	238, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
131	Nguyễn Hữu Thành	3600849873	47A8067269	271854073	27/14, Kp2, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
132	Trần Hữu Kim Trọng	8058013120	47A8066017	075087001754	24/61, Kp2, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
133	Lê Thị Nhân	3600346132	4707001384	270131358	Chợ Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
134	Vũ Thị Bích Hương	3603611766	47A8061244	271400168	15/3T, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
135	Lương Thị Hà	8105484401	47A8045162	276037034	722/59/1/2, Tổ 5, Kp3, P. Tam Hòa	01/8/2021- 15/9/2021	3.000.000		
136	Đỗ Quang Hiến Chương	3603625631	47A8061755	271752854	144, Phạm Văn Thuận, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
137	Hà Thị Thu Hiền	3600951394	47A8028010	271384846	72/24, Tổ 19, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
138	Đinh Thanh Bình	3600889770	47A8047729	270780559	1/10/26, Đồng Khởi, Kp3, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
139	Trần Thùy Linh	3600951404	47A8042851	270781047	Chợ Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
140	Bùi Huy Hoàng	3600723221	47A8001935	022027264	3/1, Phạm Văn Thuận, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 15/9/2021	3.000.000		
141	Đỗ Thu Hằng	8425021071	47A8059606	271517212	84/17T, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
142	Lý Thanh Phong	8198941224	47A8040438	361582755	3A/1T, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
143	Nguyễn Thị Thúy Hương	3603596927	47A8060572	240587170	33/4, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
144	Võ Thị Diệu	8253677559	47A8052094	272449463	86/17, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
145	Nguyễn Văn Mẫn	3603543354	47A8058040	191586947	87/17, Phạm Văn Thuận, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
146	Vũ Quốc Thái	3600333704	47A8000027	270783719	25/2, Đường Phạm Văn Thuận, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dè nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
147	Nguyễn Văn Hùng	3600336046	47A8002286	270720740	24/3, Tổ 10, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
148	Phạm Thị Quỳnh Vy	8323463465	47A8065788	272449762	29/4T, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
149	Lê Thị Minh Xuân	3603632558	47A8062010	272974639	24/5, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
150	Nguyễn Văn Hòa	3600505311	47A8007003	270893535	3/1, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
151	Nguyễn Thị Kim Hồng Loan	3603286259	47A8045718	271812125	15/3, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
152	Nguyễn Thanh Tài	8339112906	47A8067214	271979940	108, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
153	Lại Viễn Đông	3600654761	47A8005981	272780866	23/5, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
154	Nguyễn Đức Duy	3601626816	47A8024676	271477666	78, Kp1, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	01/8/2021- 30/8/2021	3.000.000		
155	Lê Thị Miến	3603762980	47A8069718	162668096	68/14, Phạm Văn Thuần, Kp1, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
156	Phạm Hồng Lạc	8356233795	47A8061107	271289876	29/67A, Kp3, P. Tam Hòa	09/7/2021- 15/9/2021	3.000.000		
	9. Phường Bửu Long								
157	Trương Thị Nhung	8287854069	47A8061994	270780317	4/7 tổ 20 kp 3	29/6/2021- 13/9/2021	3.000.000		
158	Lê Thị Bích Duyên	3601319318	47A8070070	271789908	B3-4, N1, tổ 4B kp1	09/7/2021- 13/9/2021	3.000.000		
159	Phan Thị Thu Hương	8016073350	47A8058314	272036797	28/12 tổ 3, kp1	8/5/2021- 26/8/2021	3.000.000		
160	Võ Thành Quang	8203042786	47A8035971	271340465	G11 T22 Kp4	1/9/2021- 7/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
161	Nguyễn Tấn	3601515150	47A8023525	271650715	5 tổ 7 kp2,	31/5/2021- 31/8/2021	3.000.000		
162	Nguyễn Duy Quốc Khánh	8345056368	47A8058383	271844829	10/5A Kp2,	29/6/2021- 13/9/2021	3.000.000		
163	Huỳnh Ngọc Nhung	3600662138	47A8006670	270858222	26/6 tổ 3B kp1	9/7/2021- 1/9/2021	3.000.000		
	10. Phường Hiệp Hòa								
164	Nguyễn Hải Châu	8463086520	47A8067251	272207807	46/10 Đặng Đại Độ, KP Nhị Hòa,	09/7/2021-	3.000.000		
165	Nguyễn Thị Kim Ngọc	8505834650	47A8067302	272740467	512A/A2 KP Nhị Hòa	09/7/2021-	3.000.000		
166	Võ Trung Hiếu	8168485895	47A8069174	271233558	179 KP Nhất Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021-	3.000.000		
167	Võ Tuấn Anh	8345963158	47A8058868	271891247	48 Đặng Văn Tron KP Tam Hòa	09/7/2021-	3.000.000		
168	Nguyễn Minh Hậu	8282672629	47A8064576	272337894	Đặng Văn Tron KP Tam Hòa, Hiệp Hòa	09/7/2021-	3.000.000		
	11. Phường Tân Hòa								
169	Trần Văn Máy	8012998958	47A8063127	352048352	508 Kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
170	Nguyễn Thị Hiền Hòa	3600347418	47A8005199	270393604	43/2 Kp1	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
171	Trần Đình Bình	8240370866	47A8045945	270963469	143/2 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
172	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	3401085983	47A8054439	272386406	95/28/2/14 Kp6	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
173	Nguyễn Thị Kim Liên	3603587697	47A8060082	271432681	52D/3 Kp6	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
174	Nguyễn Thị Phương Trinh	3602397728	47A8060868	271670155	28/2 Kp5	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức dề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
175	Nguyễn Thị Thu Thủy	3603160760	47A8040996	272759569	12/12 Kp5	01/07/2021 - 31/07/2021	3.000.000		
176	Trần Mậu Dũng	8324859389	47A8043592	272271309	62 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
177	Nguyễn Thị Hải Yến	3603273179	47A8045039	271745212	Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
178	Nguyễn Thị Phương Dung	8316014638	47A8066000	271076697	97/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
179	Bùi Đức Chiến	8301054853	47A8036154	271067292	95/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
180	Đỗ Khánh Trinh	8465389915	47A8058492	271959864	104A/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
181	Ngô Đình Hồng Phước	3600958008	47A8018866	271668699	74/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
182	Đỗ Thanh Thái	8099399970	47A8053559	270805242	164/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
183	Nguyễn Thị Rựu	8335292038	4707001610	270393121	150/2 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
184	Nguyễn Minh Hòa	3603411541	4748050901	271498139	69 Kp3	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
185	Nguyễn Thị Anh Thư	3602981676	47A804218	271415075	6/6 Kp4	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
186	Ngô Quốc Hùng	8238255129	47A8033250	270704515	Tổ 11 Kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
187	Lê Công Lộc	3601246370	48A8049176	271159087	Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
188	Trần Thị Thu Yến	807681267	47A8066250	271737336	59D/4 Kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
189	Dương Văn Bảy	3602952192	47A8040721	272438492	2A/8 Kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
190	Trần Văn Nghi	8238282796	47A8044160	276009824	Tổ 37 Kp4A	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
191	Nguyễn Thị Kim Phụng	8326629630	47A8064974	092192002814	96/3 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
192	Nguyễn Trí Tuệ	3603571489	47A8059233	272782431	58/1 Kp6	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
193	Trịnh Thị Ngoan	3603223033	47A8043545	271657228	21/8 Kp4A	01/06/2021 - 31/7/2021	3.000.000		
194	Vũ Đức Trí	3603675431	47A8064830	272489973	207/3 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
195	Trần Lê Phụng Dực	3603211052	47A8042973	271671952	Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
196	Nguyễn Thị Ngọc Lan	3600595001	47A80010640	271142178	104/3A Kp1	01/05/2021 - 30/06/2021	3.000.000		
197	Trần Thị Chiến	3603493689	47A8055700	271754492	102/8 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
198	Nguyễn Văn Đức	3603470794	47A8054218	272716914	Kp4A	11/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
199	Nguyễn Long Thịnh	3600684300	47A8012160	270898351	86/2 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
200	Nguyễn Hoàng	3603140468	47A8040446	021694292	106D/6 Kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
201	Phan Thị Bông	3602491255	47A8029701	272417936	Tổ 28 Kp4	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
202	Nguyễn Thái Hoàng	3603673970	47A8064760	271745228	7/1 Kp5	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
203	Nguyễn Thị Kim Phương	3603201706	47A8042525	271242177	93/1 Kp2	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
204	Quách Đình Hoàng	3602471763	47A8030372	270703872	70/2 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
205	Vũ Thị Thùy Tiên	8353285040	47A8069321	272445523	73/2 Kp1	01/07/2021 - 31/08/2021	3.000.000		
	12. Phường Bình Đa								



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
206	Cao Thị Tú	3602979099	47A034489	038180014589	31/1, tổ 1, kp1	1/5/2021 - 1/9/2021	3.000.000		
207	Nguyễn Thị Thu Trang	3600805273	47A8014395	271563578	11/1, kp1	10/7/2021 - 6/9/2021	3.000.000		
208	Trần Tuấn Anh	3600659287	47A8030607	270747159	67/1, tổ 4, kp1	1/6/2021 - 30/9/2021	3.000.000		
209	Phạm Thị Bình Minh	3603413549	47A8051146	272009922	314/7, kp4	1/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
210	Thái Văn Năm	8203055513	47A8067758	272357623	Công viên Long Bình, kp1	1/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
211	Đỗ Quý Cường	3603560744	47A8058844	034093001661	27/4A, TQT, kp3	12/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
212	Phạm Thị Phát	3600963142	47A8049326	270452546	6/6, tổ 31, kp4	15/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
	13. Phường Hòa Bình								
213	Võ Thanh Bình	3602403234	47A8026040	271599107	sáp K10 chợ Biên Hòa	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
214	Châu Kim Hoàng	3601742121	47A8032039	271691472	57, HVL, KP3	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
215	Nguyễn Thị Thu Nga	3602284717	47A8029596	270067379	sáp B22 chợ Biên Hòa	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
216	Nguyễn Minh Mẫn	3600953585	47A8000822	270081626	65 CMT8 KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
217	Lê Thanh Hằng	8374713917	47A8050656	285365835	129, CMT8, KP3	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
218	Huỳnh Quốc Cường	3602876738	47A8040988	272368326	42A KP1	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
219	Nguyễn Thế Huy	3700467042	47A8059167	271116070	42A KP1 Ng V Trì	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
220	Nguyễn thị Nhung Hằng	3603074688	47A8039024	272945549	B130, chợ Biên Hòa	13/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CCCD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
221	Phạm thị thu Tâm	3602953090	47A8029846	271241036	chợ Biên Hòa sạp B155-B116	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
222	Nguyễn Thị Cước	3600780075	47A8005508	270047189	sạp 119 chợ biên hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
223	Phùng Thị Kim Tuyền	8054763179	47A8054157	271570043	sạp 116, chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
224	Huỳnh Thị Dung	3602274395	47A8029597	270080320	sạp B27 chợ Biên Hòa	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
225	Nguyễn Thị Mỹ Vàng	8112878340	47A8044666	215159525	21 PCT KPI	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
226	Nguyễn Thanh Hiếu	3601696732	47A8025123	271303987	163/65, CMT8, KP3	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
227	Ngô Thị Ngọc Hằng	3603681442	47A8065146	272272347	48 HVL KPI	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
228	Mai Thị Thanh Thùy	3600279990	47A8019177	270081135	23 HVL KP2	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
229	Nguyễn Thị Trang	3603305487	47A8046916	276109571	01, HVL KP2	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
230	Đỗ Thị Công	3602846331	47A8058211	270060553	93, HVL KP3	13/7/2021- 31/8/2021	3.000.000		
Tổng cộng: 230 hộ kinh doanh							690.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 690.000.000 đồng
(Sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng